

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
THỜI HẠN MÙA TỈNH AN GIANG
(Từ tháng 5/2026-10/2026)**

1. Phân tích, đánh giá tình hình khí tượng thủy văn nổi bật từ tháng 02/2026 đến nửa đầu tháng 4/2026

1.1. Khí tượng

1.1.1. Bão, áp thấp nhiệt đới và các hiện tượng thời tiết nguy hiểm

- Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ):

Từ tháng 02/2026 đến nửa đầu tháng 4/2026, không có bão và ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông.

- Mưa trái mùa: Từ tháng 02/2026 đến nửa đầu tháng 4/2026, trên phạm vi tỉnh xuất hiện 06 đợt mưa trái mùa. Chủ yếu do áp cao cận nhiệt đới di chuyển ra phía đông tạo nhiều động gió trên cao nên nhiều ngày có mưa trái mùa với lượng mưa hầu hết nhỏ. Trong đó, có 04 đợt mưa trái mùa có lượng mưa vừa, mưa to như:

+ Đợt 01 (ngày 04-05/02): Mưa trái mùa với diện vài nơi, cục bộ có mưa vừa như: Ba Hòn 36.8mm (ngày 04/02), Cầu Hà Giang 40.8mm (ngày 04/02), Hà Tiên 16.8mm (05/02),...

+ Đợt 02 (ngày 26-27/02): Mưa trái mùa diện rải rác trong ngày 26/02, ngày 27/02 có mưa nhiều nơi; trong đó có mưa vừa, mưa to như: An Thới 99.4mm (ngày 26/02), Khánh An 98.8mm (ngày 27/02), Núi Sập 90.1mm (ngày 27/02), Tri Tôn 75.6mm (ngày 27/02), Vĩnh Thuận 69.8mm (ngày 26/02), Vĩnh Hanh 44.8mm (ngày 27/02), Gò Quao 44.2mm (ngày 27/02), Long Xuyên 39.2mm (ngày 27/02), Vọng Thê 34.0mm (ngày 27/02), An Ninh KV3 32.8mm (ngày 26/02), Cầu Quảng 31.6mm (ngày 26/02), Vĩnh Phú 23.8mm (ngày 26/02), Giồng Riềng 25.8mm (ngày 26/02),...

+ Đợt 03 (ngày 01/3-06/3): Mưa trái mùa xuất hiện với diện rải rác trong ngày 01-04/3, diện nhiều nơi từ ngày 05-06/3; trong đó các trạm có mưa vừa, mưa to như: Hội An 89.6mm (ngày 06/3), Xuân Tô 84.7mm (ngày 06/3), Vĩnh Thuận 76.0mm (ngày 02/3), Châu Đốc 56.9mm (ngày 06/3), Thới Sơn 52.2mm (ngày 06/3), Vĩnh Tre 51.4mm (ngày 06/3), Vĩnh Điền 47.8mm (ngày 04/3), An Ninh KV3 39.2mm (ngày 03/3), Vọng Thê 37.2mm (ngày 06/3), An Phú 33.2mm (ngày 06/3), Chợ Mới 32.9mm (06/3), Rạch Giá 28.7mm (ngày 06/3), Thạnh Yên 25.6mm (ngày 01/3),...

+ Đợt 04: Từ ngày 11-13/3, mưa trái mùa có diện vài nơi, cục bộ có mưa vừa, mưa to như: Vĩnh Điền 57.8mm (ngày 12/3), Vọng Thê 31.0mm (ngày 13/3),...

- **Nắng nóng:** Từ tuần cuối tháng 3/2026 đến nửa đầu tháng 4/2026, trên phạm vi tỉnh xuất hiện nắng nóng, tại trạm Khí tượng Thổ Chu có 02 ngày nắng nóng cục bộ 35.3°C (ngày 07/4), 35.1°C (ngày 10/4) và 01 đợt nắng nóng từ ngày 12-15/4 với nhiệt độ cao nhất ngày là 35.4°C (ngày 12/4); tại trạm Khí tượng Châu Đốc là nơi xuất hiện nắng nóng và thời gian kéo dài nắng nóng nhiều nhất trên phạm vi tỉnh, cụ thể: có 02 đợt nắng nóng, đợt 01 từ ngày 29/3-02/4 với nhiệt độ cao nhất ngày là 36.0°C (ngày 31/3); đợt 02 từ ngày 04-15/4 với nhiệt độ cao nhất ngày là 38.0°C (ngày 08/4), trong đó 01 đợt có nắng nóng gay gắt xuất hiện vào ngày 07-08/4 với nhiệt độ từ 37.0°C đến 38.0°C.

- **Đông, lốc, sét:** Trên phạm vi tỉnh xảy ra đông, sét trong đợt mưa trái mùa.

Các đợt nắng nóng tại trạm Khí tượng Châu Đốc

STT	Ngày xuất hiện	Nhiệt độ cao nhất (°C)
01	29/3-02/4/2026 (05 ngày)	36.0
02	04-15/4/2026 (12 ngày)	38.0

Các ngày xuất hiện nắng nóng cục bộ và các đợt nắng nóng tại trạm Khí tượng Thổ Chu

STT	Ngày xuất hiện	Nhiệt độ cao nhất (°C)
01	07/4/2026	35.3
02	10/4/2026	35.1
03	12-15/4/2026	35.4

1.1.2. Nhiệt độ

Từ tháng 02/2026 đến nửa đầu tháng 4/2026, nhiệt độ trung bình trong phạm vi tỉnh dao động từ 27.7-28.0°C và có sự phân bố tương đồng nhau, đều có nền nhiệt xấp xỉ với TBNN và cùng kỳ năm 2025. Nhiệt độ tối cao dao động trong khoảng 33.4-38.0°C, nơi có nền nhiệt cao nhất là Phường Châu Đốc 38.0°C xuất hiện ngày 08/4. Nhiệt tối thấp trong tỉnh dao động từ 21.4-23.6°C, nơi có nền nhiệt thấp nhất là phường Châu Đốc 21.4°C (ngày 02/02). Chi tiết các yếu tố đặc trưng cơ bản như sau:

Bảng 1: Trị số đặc trưng nhiệt độ từ tháng 02 đến nửa đầu tháng 4/2026

STT	Trạm	Đặc trưng	Ngày Xuất hiện	Trị số	So với cùng kỳ năm 2025		So với TBNN (1990-2025)		So với cực trị lịch sử	
01	Rạch Giá	Cao nhất	30/3	34.0	-0.2	▼			-2.3	▼
		Thấp nhất	01/02	22.6	0.4	▲			3.5	▲
		Trung Bình		28.0	-0.2	◀▶	0.4	▲	-0.8	▼
02	Châu Đốc	Cao nhất	08/4	38.0	1.9	▲			0.3	▲
		Thấp nhất	02/02	21.4	0.6	▲			3.8	▲
		Trung Bình		27.8	-0.5	◀▶	0.3	▲	-1.4	▼
03	Phú Quốc	Cao nhất	19/2	33.4	-1.1	▼			-2.4	▼
		Thấp nhất	10/02	23.5	1.6	▲			5.4	▲
		Trung Bình		27.9	-0.5	▼	0.1	▲	-1.2	▼
04	Thổ Chu	Cao nhất	12/4	35.4	1.4	▲			-1.5	▼
		Thấp nhất	04/02	23.6	0.9	▲			-1.5	▼
		Trung Bình		27.7	0.1	◀▶	-0.1	◀▶	-1.5	▼

Bảng 2: Trị số đặc trưng độ ẩm, số giờ nắng, gió và lượng bốc hơi từ tháng 02 đến nửa đầu tháng 4/2026

Trạm	Yếu tố	Đặc trưng	Ngày Xuất hiện	Trị số	So với cùng kỳ năm 2025		So với TBNN (1990-2025)		So với cực trị lịch sử	
Rạch Giá	Độ ẩm (%)	Trung Bình		75	-1	◀▶	-3	▼		
		Thấp nhất	25/3	45	-6	▼			8	▲
	Số giờ nắng	Cao nhất	11/4	11.3						
		Tổng		602.1	88.1	▲	-21.6	▼	-117.4	▼
	Bốc hơi (mm)	Cao nhất	11/4	5.8						
		Tổng		283.6	5.2	▲	-5.6	▼	-82.9	▼
Gió (m/s)	Cao nhất	12/3	8	0	◀▶					
	Hướng		SE							
Châu Đốc	Độ ẩm (%)	Trung Bình		79	2	▲	2	▲		
		Thấp nhất	04/4	52	1	◀▶			19	▲
	Số giờ nắng	Cao nhất	06/4	9.7						
		Sum		566.2	23.6	▲	-6.7	▼	-101.0	▼
	Bốc hơi (mm)	Cao nhất	06/4	4.5						
		Tổng		230.3	14.0	▲	-27.7	▼	-111.3	▼
Gió (m/s)	Cao nhất	04/3	7	2	▲					
	Hướng		SW							

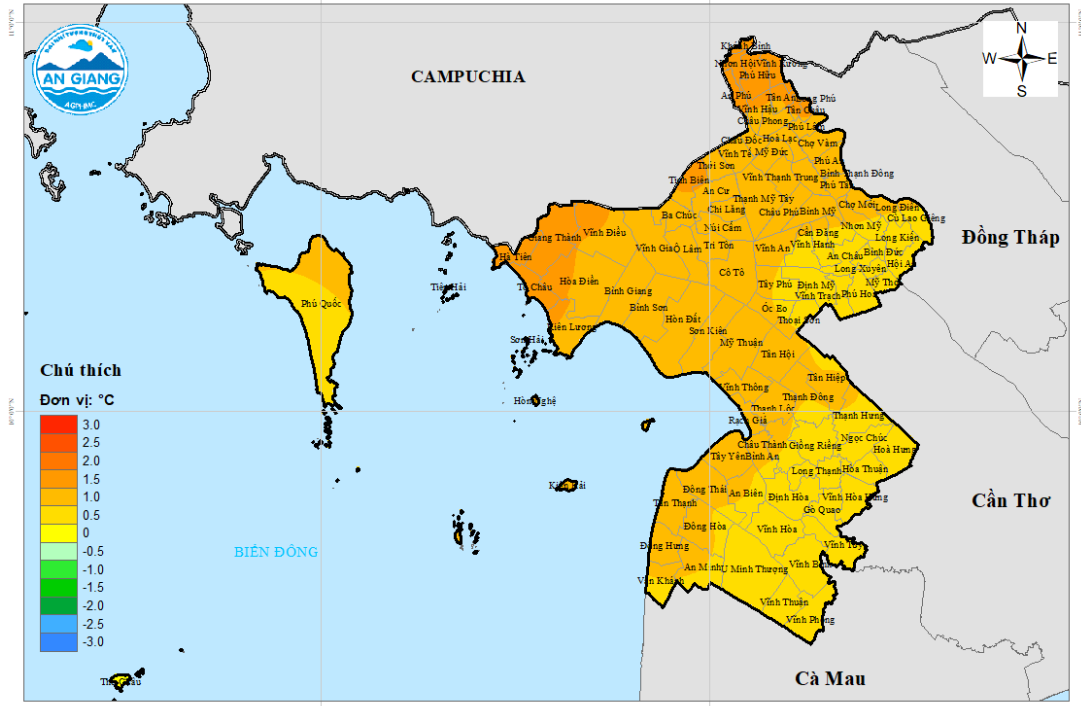
Trạm	Yếu tố	Đặc trưng	Ngày Xuất hiện	Trị số	So với cùng kỳ năm 2025		So với TBNN (1990-2025)		So với cực trị lịch sử		
Phú Quốc	Độ ẩm (%)	Trung Bình		77	2	▲	0	◀▶			
		Thấp nhất	18/02	48	13	▲			13	▲	
	Số giờ nắng	Cao nhất	13/4	10.8							
		Tổng		596.3	16.3	▲	-19.4	▼	-107.1	▼	
	Bốc hơi (mm)	Cao nhất	18/02	5.4							
		Tổng		239.5	-28.4	▼	-12.1	▼	-60.9	▼	
Gió (m/s)	Cao nhất	06/02	8	-1	◀▶						
	Hướng		WSW								
Thổ Chu	Độ ẩm (%)	Trung Bình		81	0	◀▶	1	▲			
		Thấp nhất	03/4	53	-6	▼			18	▲	
	Số giờ nắng	Cao nhất	13/4	10.5							
		Tổng		602.9	35.5	▲	277.2	▲	-128.1	▼	
	Bốc hơi (mm)	Cao nhất	13/3	3.3							
		Tổng		166.0	7.9	▲	69.3	▲	-71.8	▼	
Gió (m/s)	Cao nhất	02/02	5	-1	◀▶						
	Hướng		E								

- Trong tháng 02/2026: Nhiệt độ trung bình trong phạm vi tỉnh dao động từ 27.0-27.4°C và có sự phân bố khá tương đồng nhau, đều có nền nhiệt xấp xỉ và cao hơn so với TBNN từ -0.1°C đến 0.6°C và xấp xỉ so với cùng kỳ năm 2025. Nhiệt độ tối cao trong tháng 02/2026 dao động trong khoảng 32.1-33.5°C, nơi có nền nhiệt cao nhất của tỉnh là Phường Châu Đốc 33.5°C (ngày 16/02). Nền nhiệt tối thấp trong tỉnh dao động từ 21.4-23.6°C, nhiệt độ thấp nhất là Phường Châu Đốc 21.4°C (ngày 02/02).

Bảng 3: Trị số đặc trưng nhiệt độ từ ngày 01/02 đến 28/02/2026

STT	Trạm	Đặc trưng	Ngày Xuất hiện	Trị số	So với cùng kỳ năm 2025		So với TBNN (1990-2025)		So với cực trị lịch sử	
01	Rạch Giá	Cao nhất	18/02	33.0	0.3	▲			-1.4	▼
		Thấp nhất	01/02	22.6	0.4	▲			3.5	▲
		Trung Bình		27.2	0.0	◀▶	0.6	▲	-0.8	▼
02	Châu Đốc	Cao nhất	16/02	33.5	-0.3	▼			-1.8	▼
		Thấp nhất	02/02	21.4	0.6	▲			3.8	▲
		Trung Bình		27.0	-0.3	◀▶	0.6	▲	-1.2	▼
03	Phú Quốc	Cao nhất	19/02	33.4	0.3	▲			-1.0	▼
		Thấp nhất	10/02	23.5	1.6	▲			5.4	▲
		Trung Bình		27.4	-0.4	◀▶	0.4	▲	-1.0	▼
04	Thổ Chu	Cao nhất	23/02	32.1	-1.9	▼			-2.0	▼
		Thấp nhất	04/02	23.6	0.9	▲			-2.0	▼
		Trung Bình		27.0	-0.1	◀▶	-0.1	▼	-2.0	▼

BẢN ĐỒ PHÂN BỐ NHIỆT ĐỘ TỈNH AN GIANG



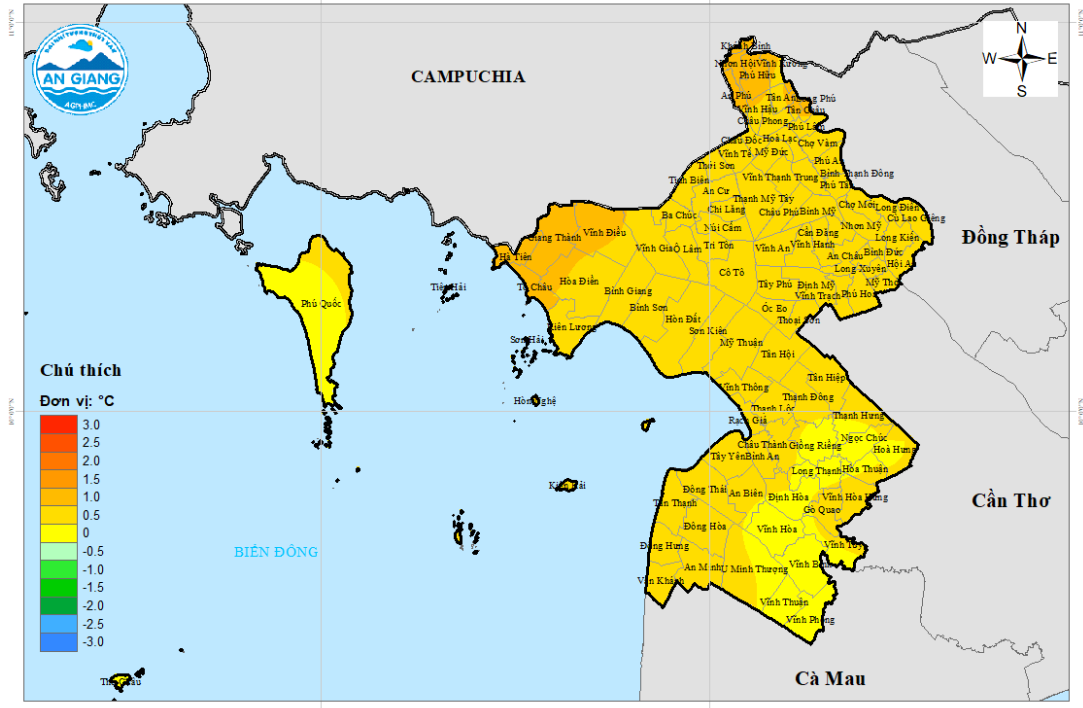
Hình 1: Bản đồ chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 02/2026 tỉnh An Giang

- Trong tháng 3/2026: Nhiệt độ trung bình trong phạm vi tỉnh dao động từ 27.8-28.0°C và có sự phân bố tương đồng nhau, đều có nền nhiệt xấp xỉ với TBNN và thấp hơn so với cùng kỳ năm 2025 từ 0.3-0.8°C. Nhiệt độ tối cao trong tháng 3/2026 dao động trong khoảng 33.2-36.0°C, nơi có nền nhiệt cao nhất là Phường Châu Đốc 36.0°C (ngày 31/3). Nhiệt tối thấp trong tỉnh dao động từ 23.0-24.9°C, nơi có nền nhiệt thấp nhất là phường Châu Đốc 23.0°C (ngày 06/3).

Bảng 4: Trị số đặc trưng nhiệt độ từ ngày 01/3 đến 31/3/2026

STT	Trạm	Đặc trưng	Ngày Xuất hiện	Trị số	So với cùng kỳ năm 2025		So với TBNN (1990-2025)		So với cực trị lịch sử	
01	Rạch Giá	Cao nhất	30/3	34.0	-0.2	▼			-2.0	▼
		Thấp nhất	06/3	23.6	-0.4	▼			3.0	▲
		Trung Bình		28.0	-0.6	▼	0.1	◀▶	-1.0	▼
02	Châu Đốc	Cao nhất	31/3	36.0	0.0	▼			-1.7	▼
		Thấp nhất	06/3	23.0	-0.1	▼			3.1	▲
		Trung Bình		27.9	-0.8	▼	0.1	▲	-1.4	▼
03	Phú Quốc	Cao nhất	29/3	33.2	-1.3	▼			-2.6	▼
		Thấp nhất	06/3	23.8	-1.1	▼			2.8	▲
		Trung Bình		28.0	-0.8	▼	-0.1	◀▶	-1.3	▼
04	Thổ Chu	Cao nhất	31/3	34.1	0.3	▲			-2.0	▼
		Thấp nhất	09/3	24.9	1.1	▲			-2.0	▼
		Trung Bình		27.8	-0.3	◀▶	-0.3	▼	-2.0	▼

BẢN ĐỒ PHÂN BỐ NHIỆT ĐỘ TỈNH AN GIANG



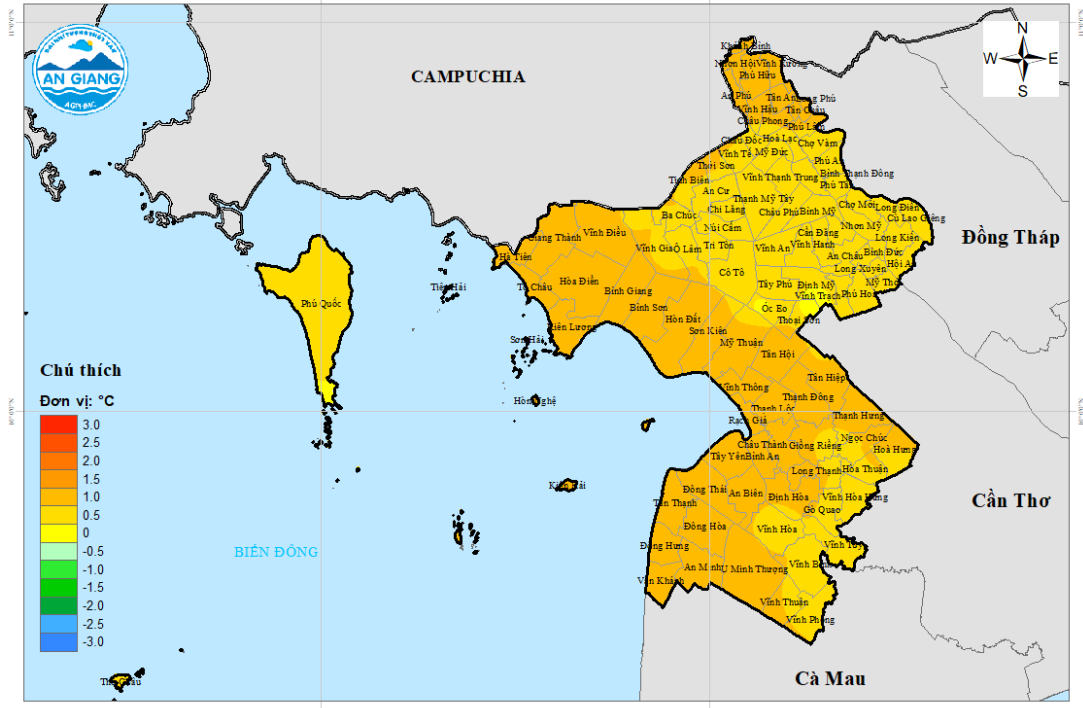
Hình 2: Bản đồ chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 3/2026 tỉnh An Giang

- Nửa đầu tháng 4/2026: Nhiệt độ trung bình ở mức xấp xỉ và cao hơn TBNN và cùng kỳ năm 2025 từ -0.1°C đến 1.0°C . Nhiệt độ tối cao dao động trong khoảng từ $32.2-38.0^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ cao nhất là 38.0°C tại Châu Đốc (ngày 08/4). Nhiệt độ tối thấp từ $24.0-24.9^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ thấp nhất là 24.0°C tại trạm Châu Đốc, Rạch Giá (ngày 03/4).

Bảng 5: Trị số đặc trưng nhiệt độ từ ngày 01/4 đến nửa đầu tháng 4/2026

STT	Trạm	Đặc trưng	Ngày Xuất hiện	Trị số	So với cùng kỳ năm 2025	So với TBNN (1990-2025)	So với cực trị lịch sử
01	Rạch Giá	Cao nhất	14/4	34.0	-0.2 ▼		-2.3 ▼
		Thấp nhất	03/4	24.0	-1.7 ▼		0.7 ▲
		Trung Bình		29.7	0.4 ◀▶	0.8 ▲	-0.7 ▼
02	Châu Đốc	Cao nhất	08/4	38.0	1.9 ▲		0.3 ▲
		Thấp nhất	03/4	24.0	-1.2 ▼		2.2 ▲
		Trung Bình		29.3	-0.1 ◀▶	0.4 ▲	-1.6 ▼
03	Phú Quốc	Cao nhất	03/4	32.2	-0.8 ▼		-3.0 ▼
		Thấp nhất	04/4	24.8	-0.3 ▼		2.8 ▲
		Trung Bình		28.8	0.0 ◀▶	0.1 ▲	-1.7 ▼
04	Thổ Chu	Cao nhất	12/4	35.4	2.0 ▲		-1.5 ▼
		Thấp nhất	04/4	24.9	0.7 ▲		-1.5 ▼
		Trung Bình		29.0	1.0 ▲	0.3 ▲	-1.5 ▼

BẢN ĐỒ PHÂN BỐ NHIỆT ĐỘ TỈNH AN GIANG



Hình 3: Bản đồ chuẩn sai nhiệt độ trung bình trong nửa đầu tháng 4/2026 tỉnh An Giang

Bảng 6: Quy định thuật ngữ dự báo nhiệt độ trung bình tháng

Thuật ngữ	Ký hiệu tương ứng	Ý nghĩa	Ghi chú
Cao hơn TBNN	▲	$T_{TB} > TBNN + 0.5^{\circ}C$	T_{TB} : nhiệt độ trung bình TBNN: trung bình nhiều năm
Xấp xỉ TBNN	◀▶	$TBNN - 0.5^{\circ}C \leq T_{TB} \leq TBNN + 0.5^{\circ}C$	
Thấp hơn TBNN	▼	$T_{TB} < TBNN - 0.5^{\circ}C$	

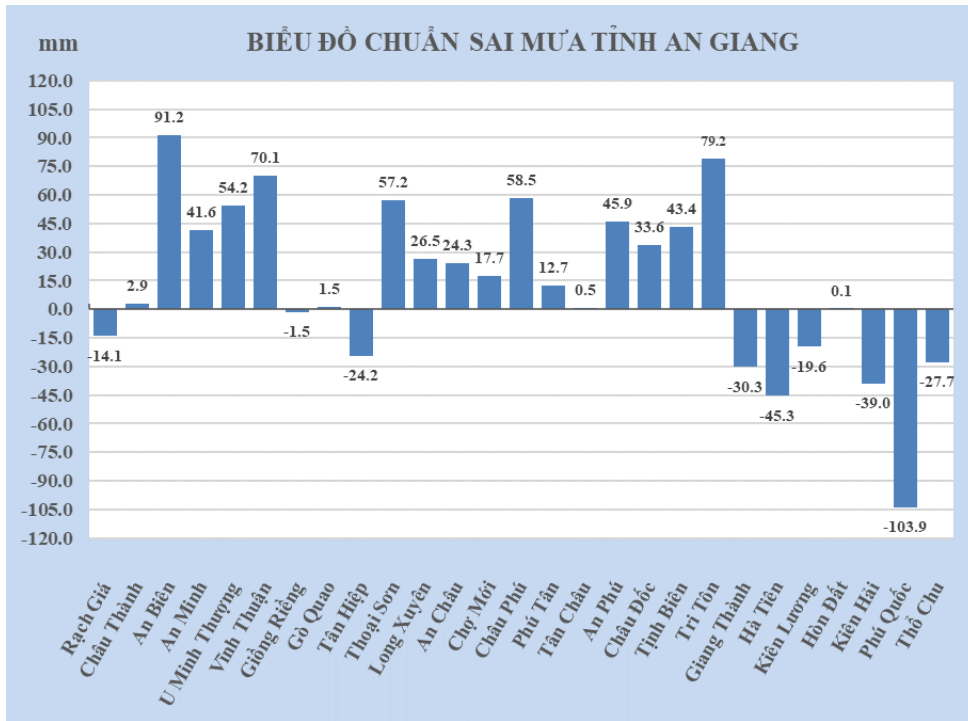
1.1.3. Lượng mưa

Từ tháng 02/2026 đến nửa đầu tháng 4/2026 mưa tập trung hầu hết vào tháng 02-03/2026 và trong nửa đầu tháng 4 không mưa. Tổng lượng mưa (TLM) trung bình trên toàn tỉnh là 88.2mm, hầu hết cao hơn TBNN và cùng kỳ năm 2025 từ 2.9-87.5mm; riêng các trạm có TLM thấp hơn so với TBNN và cùng kỳ năm 2025 là: Phú Quốc, Thổ Chu, Kiên Hải, Hà Tiên, Giang Thành, Rạch Giá, Tân Hiệp. Nơi có TLM tháng cao nhất là An Biên 193mm, nơi có TLM thấp nhất là Kiên Hải 24.8mm.

Bảng 7: Trị số đặc trưng mưa từ tháng 02/2026 đến nửa đầu tháng 4/2026

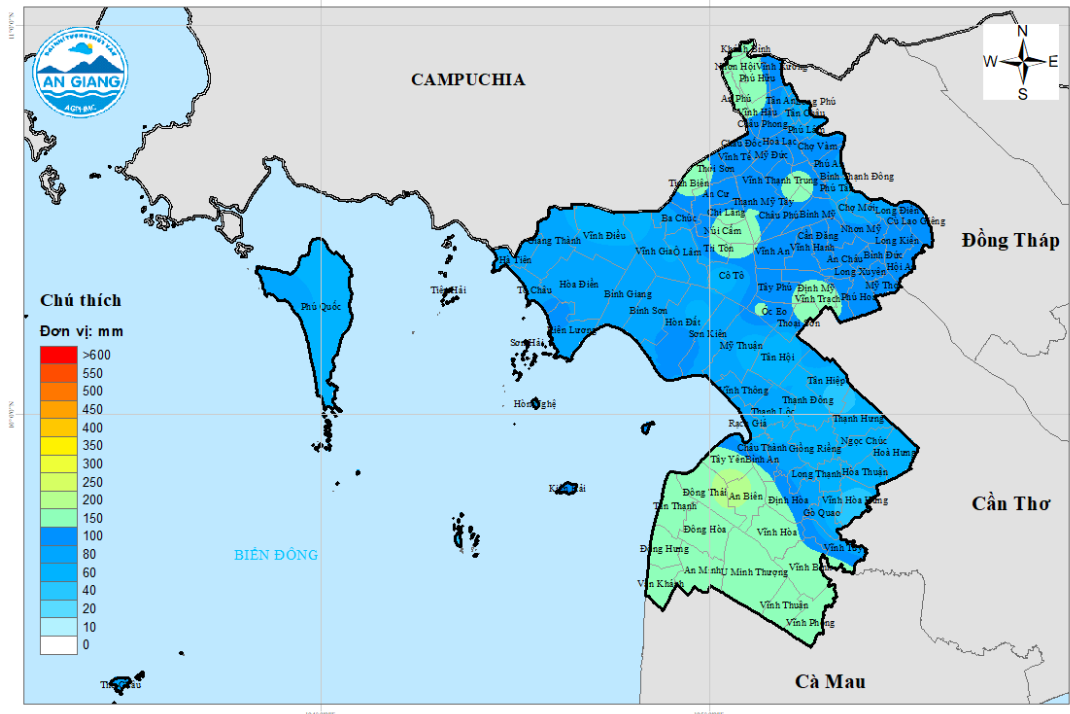
STT	Trạm	Đặc trưng	Ngày xuất hiện	Năm 2026	So với cùng kỳ 2025		So với TBNN 1990-2025		So với giá trị lịch sử	
01	Rạch Giá	Cao nhất (mm)	06/3	28.7	-13.5	▼			-82.4	▼
		TLM (mm)		73.3	-45.6	▼	-14.1	▼	-280.2	▼
		Số ngày mưa		10	-7	▼	1	▲	-18	▼
02	Châu Thành	Cao nhất (mm)	26/02	31.6	-7.2	▼			-47.8	▼
		TLM (mm)		82.4	-3.2	▼	2.9	▲	-139.4	▼
		Số ngày mưa		13	-3	▼	4	▲	-13	▼
03	An Biên	Cao nhất (mm)	12/3	57.8	20.0	▲			-66.4	▼
		TLM (mm)		193.0	70.4	▲	91.2	▲	-269.2	▼
		Số ngày mưa		19	6	▲	10	▲	-7	▼
04	An Minh	Cao nhất (mm)	06/3	34.8	0.8	◀▶			-52.8	▼
		TLM (mm)		144.4	55.8	▲	41.6	▲	-184.7	▼
		Số ngày mưa		16	-15	▼	5	▲	-27	▼
05	U Minh Thượng	Cao nhất (mm)	27/02	49.8	0.4	◀▶			0.4	◀▶
		TLM (mm)		113.6	-17.0	▼	54.2	▲	-17.0	▼
		Số ngày mưa		11	1	◀▶	4	▲	-1	◀▶
06	Vĩnh Thuận	Cao nhất (mm)	02/3	76.0	57.6	▲			-29.7	▼
		TLM (mm)		148.8	80.4	▲	70.1	▲	-173.0	▼
		Số ngày mưa		10	-8	▼	3	▲	-14	▼
07	Giồng Riềng	Cao nhất (mm)	26/02	25.8	6.2	▲			-32.2	▼
		TLM (mm)		55.6	-37.8	▼	-1.5	▼	-201.6	▼
		Số ngày mưa		14	-5	▼	9	▲	-5	▼
08	Gò Quao	Cao nhất (mm)	27/02	44.2	-30.0	▼			-81.3	▼
		TLM (mm)		75.8	-46.0	▼	1.5	▲	-238.6	▼
		Số ngày mưa		10	1	◀▶	4	▲	-10	▼
09	Tân Hiệp	Cao nhất (mm)	27/02	27.0	-2.4	▼			-99.7	▼
		TLM (mm)		45.9	-98.3	▼	-24.2	▼	-226.6	▼
		Số ngày mưa		7	-9	▼	2	▲	-11	▼
10	Thoại Sơn	Cao nhất (mm)	27/02	90.1	62.5	▲			-8.4	▼
		TLM (mm)		116.5	55.3	▲	57.2	▲	-196.5	▼
		Số ngày mưa		7	0	◀▶	1	◀▶	-15	▼
11	Long Xuyên	Cao nhất (mm)	27/02	39.2	6.2	▲			-77.5	▼
		TLM (mm)		83.7	-1.3	▼	26.5	▲	-111.2	▼
		Số ngày mưa		5	-3	▼	0	◀▶	-9	▼
12	An Châu	Cao nhất (mm)	27/02	44.8	23.5	▲			-42.8	▼
		TLM (mm)		86.8	5.7	▲	24.3	▲	-138.6	▼
		Số ngày mưa		4	-4	▼	-2	▼	-16	▼
13	Chợ Mới	Cao nhất (mm)	06/3	32.9	-33.1	▼			-50.6	▼
		TLM (mm)		65.5	-56.5	▼	17.7	▲	-107.9	▼
		Số ngày mưa		7	-3	▼	2	▲	-8	▼

STT	Trạm	Đặc trưng	Ngày xuất hiện	Năm 2026	So với cùng kỳ 2025			So với TBNN 1990-2025		So với giá trị lịch sử
14	Châu Phú	Cao nhất (mm)	06/3	51.4	27.2	▲			-15.2	▼
		TLM (mm)		107.6	75.4	▲	58.5	▲	-86.2	▼
		Số ngày mưa		7	2	▲	2	▲	-13	▼
15	Phú Tân	Cao nhất (mm)	06/3	29.2	24.2	▲			-47.6	▼
		TLM (mm)		56.8	37.3	▲	12.7	▲	-127.3	▼
		Số ngày mưa		4	-2	▼	-1	◀	-14	▼
16	Tân Châu	Cao nhất (mm)	27/02	23.2	8.2	▲			-58.8	▼
		TLM (mm)		53.5	18.5	▲	0.5	◀	-127.1	▼
		Số ngày mưa		4	-1	◀	-1	▼	-11	▼
17	An Phú	Cao nhất (mm)	27/02	98.8	60.1	▲			32.4	▲
		TLM (mm)		109.8	4.9	▲	45.9	▲	-80.2	▼
		Số ngày mưa		5	-5	▼	-1	▼	-11	▼
18	Châu Đốc	Cao nhất (mm)	06/3	56.9	44.3	▲			-24.2	▼
		TLM (mm)		83.3	59.8	▲	33.6	▲	-138.9	▼
		Số ngày mưa		3	-2	▼	-4	▼	-17	▼
19	Tịnh Biên	Cao nhất (mm)	06/3	84.7	49.7	▲			-10.3	▼
		TLM (mm)		112.6	35.6	▲	43.4	▲	-160.7	▼
		Số ngày mưa		5	0	◀	-1	◀	-10	▼
20	Tri Tôn	Cao nhất (mm)	27/02	75.6	56.6	▲			-13.7	▼
		TLM (mm)		134.3	87.5	▲	79.2	▲	-75.4	▼
		Số ngày mưa		4	-4	▼	-2	▼	-13	▼
21	Giang Thành	Cao nhất (mm)	26/02	23.8	-65.8	▼			-65.8	▼
		TLM (mm)		50.4	-145.2	▼	-30.3	▼	-180.8	▼
		Số ngày mưa		8	-5	▼	-2	▼	-18	▼
22	Hà Tiên	Cao nhất (mm)	05/02	16.8	-20.4	▼			-103.7	▼
		TLM (mm)		74.2	-54.0	▼	-45.3	▼	-317.3	▼
		Số ngày mưa		13	0	◀	4	▲	-15	▼
23	Kiên Lương	Cao nhất (mm)	04/02	36.8	18.2	▲			-88.2	▼
		TLM (mm)		83.8	-20.0	▼	-19.6	▼	-229.5	▼
		Số ngày mưa		11	-4	▼	3	▲	-16	▼
24	Hòn Đất	Cao nhất (mm)	26/02	22.6	9.8	▲			-99.8	▼
		TLM (mm)		76.2	41.6	▲	0.1	◀	-288.2	▼
		Số ngày mưa		9	-5	▼	2	▲	-17	▼
25	Kiên Hải	Cao nhất (mm)	26/02	11.1	-104.7	▼			-104.7	▼
		TLM (mm)		24.8	-155.2	▼	-39.0	▼	-155.2	▼
		Số ngày mưa		10	-6	▼	-3	▼	-11	▼
26	Phú Quốc	Cao nhất (mm)	06/3	18.6	-64.4	▼			-144.8	▼
		TLM (mm)		59.6	-306.8	▼	-103.9	▼	-458.8	▼
		Số ngày mưa		15	-5	▼	-2	▼	-17	▼
27	Thổ Chu	Cao nhất (mm)	11/02	49.3	-52.5	▼			-70.4	▼
		TLM (mm)		68.7	-151.1	▼	-27.7	▼	-289.2	▼
		Số ngày mưa		5	-9	▼	-6	▼	-21	▼



Hình 4: Biểu đồ chuẩn sai mưa từ tháng 02 đến nửa đầu tháng 4/2026 so với TBNN tỉnh An Giang

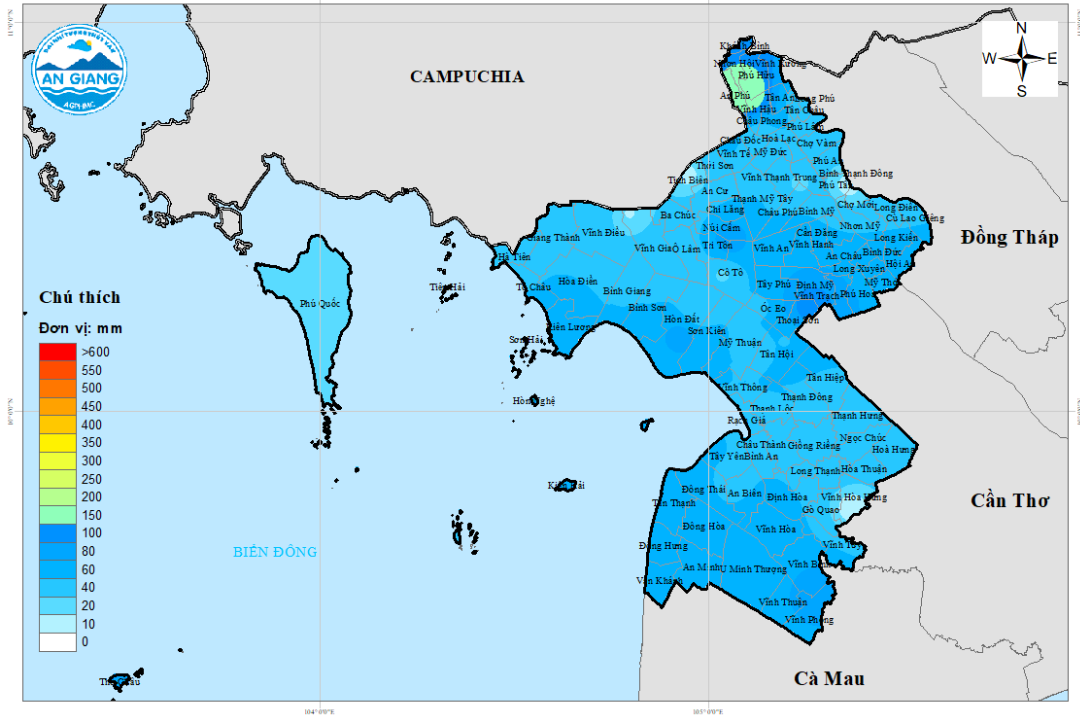
BẢN ĐỒ PHÂN BỐ MƯA TỈNH AN GIANG



Hình 5: Bản đồ phân bố TLM từ tháng 02 đến nửa đầu tháng 4/2026 tỉnh An Giang

Trong tháng 02/2026: TLM hầu hết cao hơn so với TBNN và cùng kỳ năm 2025, riêng khu vực: Phước Tân, Phước Quốc có TLM thấp hơn TBNN và cùng kỳ năm 2025. Nơi có TLM cao nhất là An Phú 98.8mm, nơi có TLM thấp nhất là Phước Tân 5.3mm.

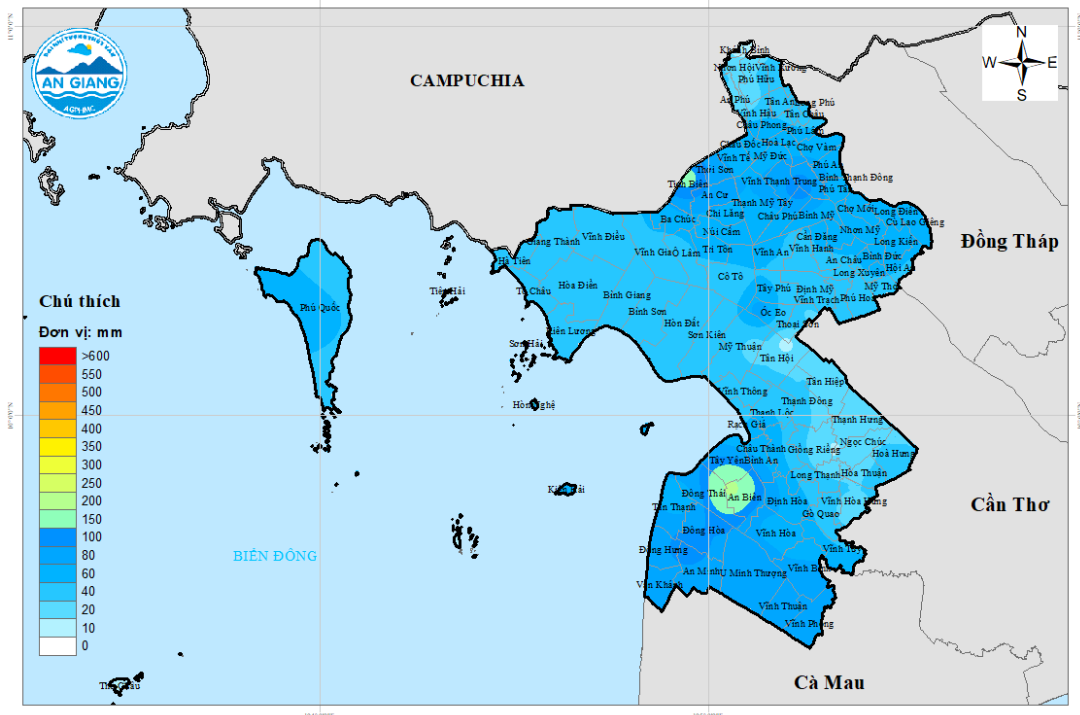
BẢN ĐỒ PHÂN BỐ MƯA TỈNH AN GIANG



Hình 6: Bản đồ phân bố TLM tháng 02/2026 tỉnh An Giang

Tháng 3/2026: TLM trung bình trên toàn tỉnh là 52.2mm, trong đó hơn một nửa trạm có TLM cao hơn so với TBNN và cùng kỳ năm 2025, nơi có TLM thấp hơn TBNN và cùng kỳ năm 2025 như: An Phú, Giang Thành, Hà Tiên, Kiên Lương, Kiên Hải, Phú Quốc, Thổ Chu. Nơi có TLM cao nhất trong tháng 3/2026 là An Biên 159.4mm, nơi có TLM thấp nhất là Thổ Chu 2.6mm.

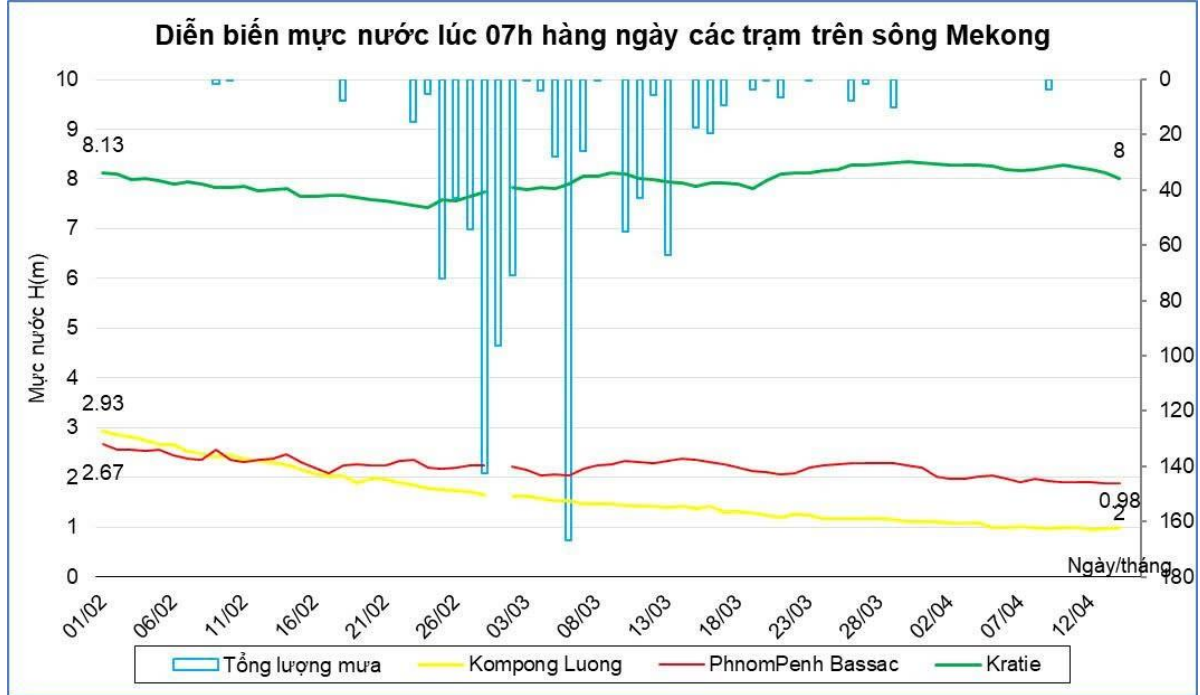
BẢN ĐỒ PHÂN BỐ MƯA TỈNH AN GIANG



Hình 7: Bản đồ phân bố TLM tháng 3/2026 tỉnh An Giang

1.2. Thủy văn

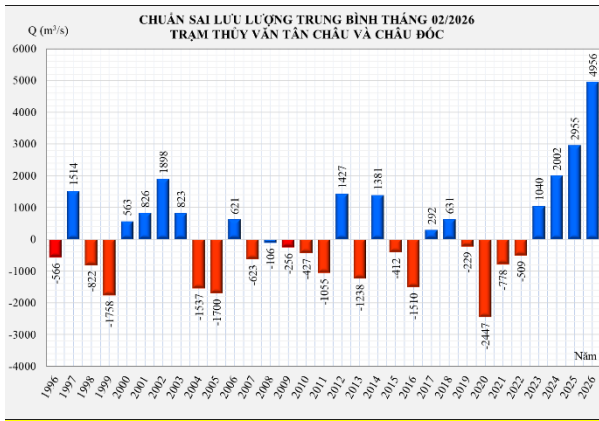
Từ tháng 02 đến giữa tháng 4/2026, trên lưu vực sông Mekong phổ biến ít mưa, thời điểm xuất hiện lượng mưa lớn từ cuối tháng 02 đến đầu tháng 3, sau đó hầu như không mưa và kéo dài đến giữa tháng 4. Mức nước trên dòng chính sông Mekong tại Kratie xuống chậm trong tháng 02, sau đó lên chậm và ít thay đổi lớn từ tháng 3 đến giữa tháng 4; mực nước Biển hồ Tonle Sap có xu thế sụt giảm chậm, trung bình từ 01-03cm ngày.



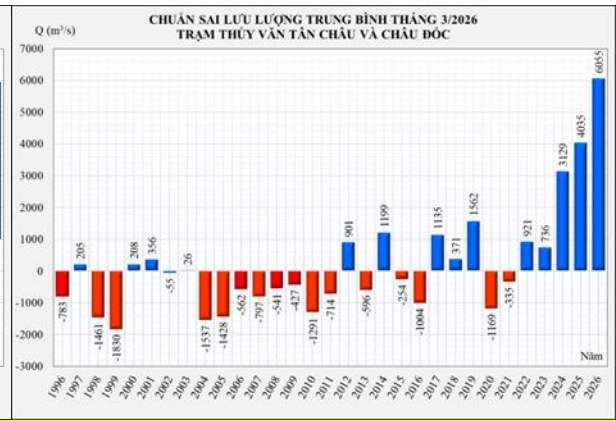
Hình 8: Biểu đồ diễn biến mực nước trên sông Mekong từ ngày 01/02-14/4/2026

Lưu lượng dòng chảy bình quân sông Mekong về đầu nguồn sông Cửu Long giảm dần, tổng lượng dòng chảy qua hai trạm Tân Châu, Châu Đốc trong tháng 02/2026 đạt mức 14.34 tỷ m^3 , cao hơn 67% so với cùng kỳ năm 2025 và 26% so với TBNN; trong tháng 3/2026 đạt mức 14.50 tỷ m^3 , cao hơn 49% so với cùng kỳ năm 2025 và 58% so với TBNN.

Trong nửa đầu tháng 04/2026, lượng dòng chảy sông Mekong về đầu nguồn sông Cửu Long qua hai trạm Tân Châu và Châu Đốc xuống nhanh, tính đến hết ngày 12/04, lưu lượng bình quân tại hai trạm ở mức 5480 m^3/s , cao hơn 31% so với cùng kỳ năm 2025 và cao hơn 64% so với TBNN.



Hình 9: Chuẩn sai Q_{tb} trạm Tân Châu và Châu Đốc tháng 02/2026



Hình 10: Chuẩn sai Q_{tb} trạm Tân Châu và Châu Đốc tháng 3/2026

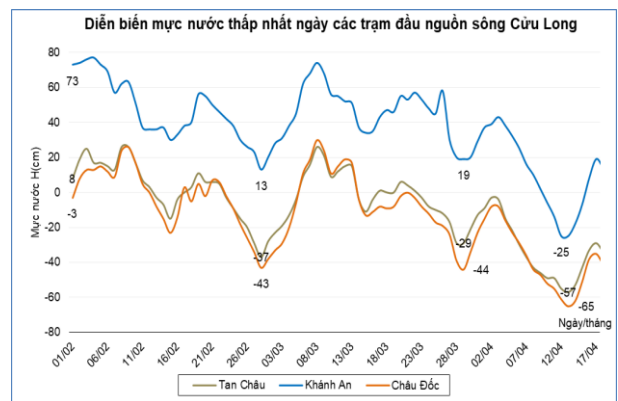
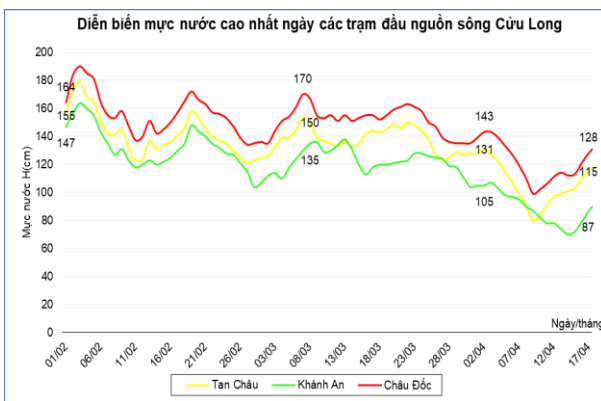
Từ giữa tháng 4/2026, lượng dòng chảy sông Mekong về đầu nguồn sông Cửu Long qua hai trạm Tân Châu và Châu Đốc xuống nhanh, tính đến hết ngày 15/4, lưu lượng bình quân qua hai trạm ở mức 4593 m³/s, cao hơn 19% so với cùng kỳ năm 2025 và cao hơn TBNN 38%.

Mực nước trên các sông, kênh, rạch tại các trạm trong phạm vi tỉnh từ đầu tháng 02/2026 đến nửa đầu tháng 4/2026:

- Đầu nguồn sông Cửu Long:

Trong tháng 02-03/2026, khu vực đầu nguồn sông Cửu Long tại Tân Châu, Khánh An, Châu Đốc, mực nước biến đổi theo triều với xu thế xuống dần. Mực nước cao nhất các tháng đều ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-30cm; mực nước thấp nhất đều ở mức xấp xỉ và cao hơn so với cùng kỳ năm 2025 từ 05-15cm và thấp hơn TBNN từ 05-10cm.

Từ đầu tháng 4/2026, mực nước có xu thế xuống nhanh, cường suất nước xuống trung bình từ 05-10cm/ngày. Mực nước cao nhất và thấp nhất trong nửa đầu tháng 4/2026 ở mức thấp hơn so với cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 10-50cm.



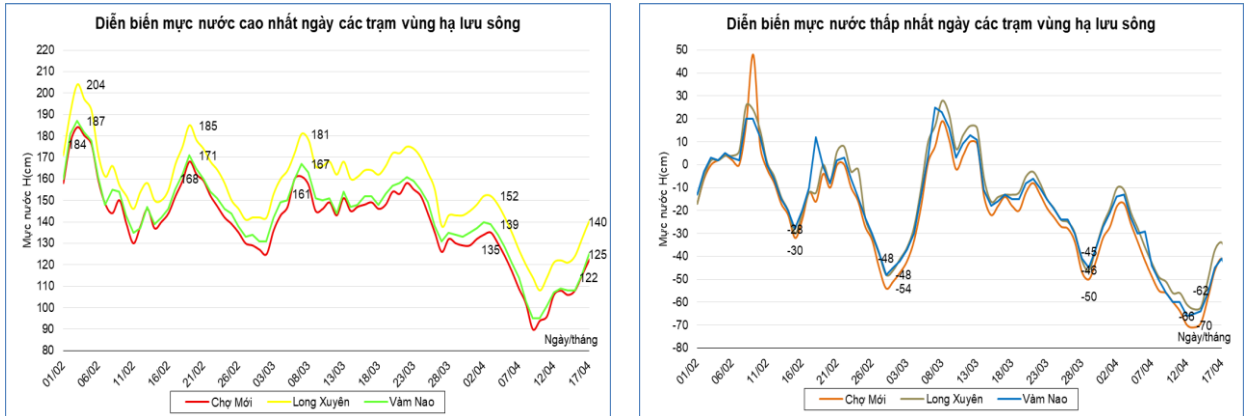
Hình 11: Biểu đồ diễn biến mực nước các trạm đầu nguồn sông Cửu Long (từ 01/02/2026-17/4/2026)

Từ đầu tháng 02 đến giữa tháng 4/2026, đỉnh triều cao nhất trên sông Tiền tại trạm Tân Châu đạt mức 179cm (ngày 03/02), trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc đạt mức 190cm (ngày 03/02) và trạm Khánh An đạt mức 164cm (ngày

03/02). Chân triều thấp nhất trên sông Tiền tại trạm Tân Châu đạt mức -57cm vào ngày 13/04, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc đạt mức -65cm vào ngày 13/04 và trạm Khánh An ở mức -25cm vào ngày 12/4.

- Vùng hạ lưu sông:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch dao động theo triều với xu thế đỉnh triều xuống dần. Mức nước cao nhất và thấp nhất trong tháng 02 và tháng 3/2026 đều ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-30cm. Trong nửa đầu tháng 4/2026, mức nước phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 20-50cm.



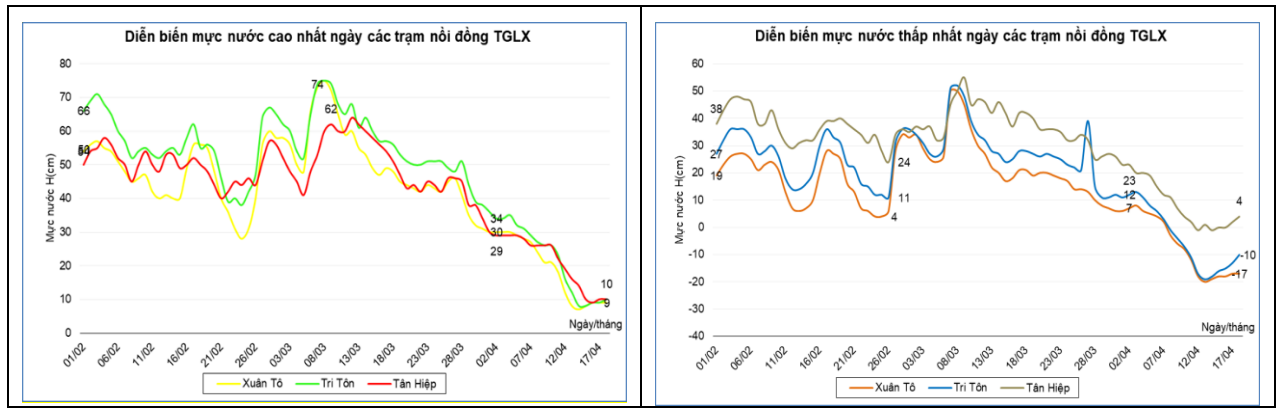
Hình 12: Biểu đồ diễn biến mực nước cao nhất ngày các trạm vùng hạ lưu sông (từ 01/02/2026-14/4/2026)

Từ đầu tháng 02/2026 đến 17/4/2026, đỉnh triều cao nhất trên sông Hậu tại trạm Long Xuyên đạt mức 204cm (ngày 03/02), trên sông Vàm Nao tại trạm Vàm Nao đạt mức 187cm vào (ngày 03/02) và trên Rạch Ông Chưởng tại trạm Chợ Mới đạt mức 184cm (ngày 03/02). Chân triều thấp nhất trên sông Hậu tại trạm Long Xuyên đạt mức -63cm (ngày 13/4), trên sông Vàm Nao tại trạm Vàm Nao đạt mức -66cm (ngày 13/4) và trên Rạch Ông Chưởng tại trạm Chợ Mới ở mức -71cm (ngày 13/4).

- Nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX):

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong khu vực ảnh hưởng chủ yếu do triều sông Hậu truyền về, lượng mưa nội vùng và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi.

Trong tháng 02 trên khu vực phổ biến ít mưa, dao động mực nước trên các kênh, rạch này chủ yếu theo xu thế triều từ sông Hậu truyền vào, mực nước cao nhất tháng này đều ở mức xấp xỉ và cao hơn so với cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-20cm; mực nước thấp nhất ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-10cm, cao hơn TBNN từ 10-20cm. Từ đầu tháng 3 có 1 đợt mực nước lên nhanh do ảnh hưởng lượng mưa lớn trong khu vực nội đồng từ ngày 05-06/3; mực nước cao nhất tháng 3 hầu hết trên các kênh, rạch ở mức xấp xỉ và cao hơn so với cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-25cm, mực nước thấp nhất hầu hết ở mức thấp hơn so với cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-25cm.



Hình 13: Biểu đồ diễn biến mực nước cao nhất ngày các trạm nội đồng TGLX (từ 01/02/2026-17/4/2026)

Trong nửa đầu tháng 4/2026, trên khu vực hầu như không xuất hiện mưa, mực nước trên sông Hậu hạ thấp nên mực nước trên các kênh, rạch trong khu vực nội đồng xuống nhanh, mực nước cao nhất và thấp nhất đều thấp hơn so với cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-40cm.

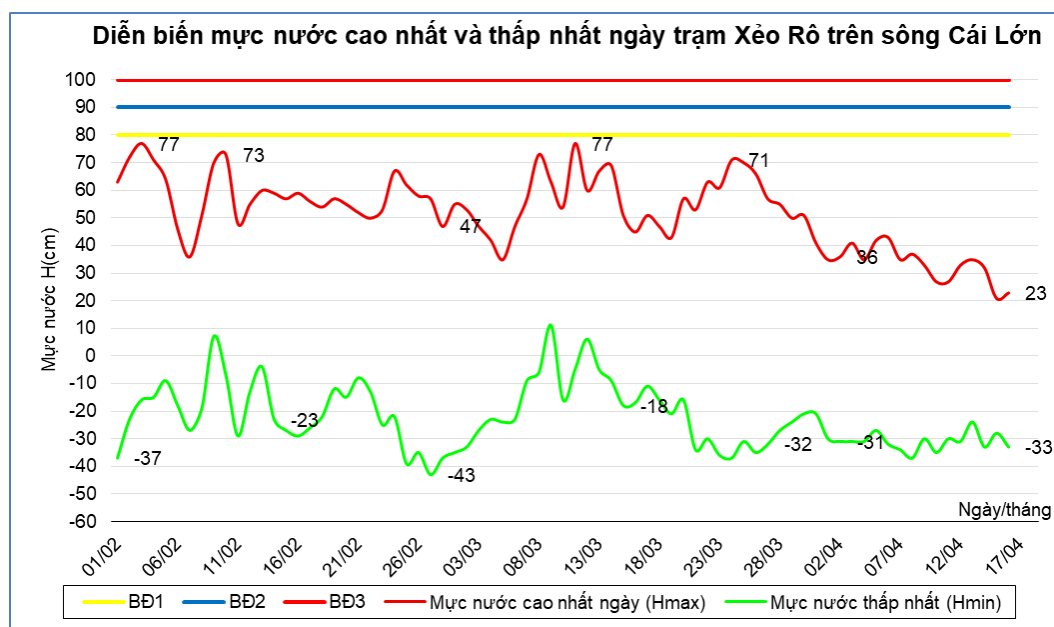
Bảng 8: Đặc trưng thủy văn (mực nước: H) tháng 02/2026 và tháng 3/2026

Đơn vị: cm

Đặc trưng Trạm	Tháng 02/2026						Tháng 3/2026					
	Mực nước cao nhất (H_{max})			Mực nước thấp nhất (H_{min})			Mực nước cao nhất (H_{max})			Mực nước thấp nhất (H_{min})		
	Trị số	So sánh năm 2025	So sánh TBNN	Trị số	So sánh năm 2025	So sánh TBNN	Trị số	So sánh năm 2025	So sánh TBNN	Trị số	So sánh năm 2025	So sánh TBNN
Tân Châu	179	24	25	-37	-9	-30	153	0	26	-29	16	-2
Chợ Mới	184	21	31	-54	-13	-21	161	-4	32	-51	6	5
Khánh An	164	25	16	13	1	-7	138	10	17	19	19	20
Châu Đốc	190	18	31	-43	-16	-28	170	-2	35	-44	-1	-8
Long Xuyên	204	24	44	-48	-11	-3	181	2	44	-46	6	20
Vàm Nao	187	20	29	-48	-13	-22	167	2	33	-45	8	3
Xuân Tô	60	0	0	4	-2	2	75	20	24	6	7	11
Vĩnh Gia	52	8	10	12	1	-6	60	16	21	17	9	3
Vĩnh Điều	56	4	-1	19	-6	-2	67	17	16	24	6	4
Vĩnh Phú	59	6	4	20	-7	0	68	16	19	27	7	10
Nông Trường	67	5	6	30	-6	5	74	14	18	34	9	11
Tri Tôn	71	3	8	11	-3	5	75	11	21	11	5	12
Cô Tô	81	5	24	37	0	14	84	9	34	35	5	18
Nam Thái Sơn	66	1	5	33	-4	8	70	7	12	33	3	10
Lò Gạch	51	6	14	8	-7	0	55	14	22	17	12	13
Vọng Thê	97	6	23	50	-1	20	101	12	30	50	7	25
Vĩnh Hanh	134	12	29	48	1	19	127	9	34	41	6	19
Núi Sập	91	2	8	35	-10	1	94	9	18	36	6	10
Tân Thành	75	2	3	36	-7	7	78	6	11	35	2	10

Đặc trưng Trạm	Tháng 02/2026						Tháng 3/2026					
	Mức nước cao nhất (H _{max})			Mức nước thấp nhất (H _{min})			Mức nước cao nhất (H _{max})			Mức nước thấp nhất (H _{min})		
	Trị số	So sánh năm 2025	So sánh TBNN	Trị số	So sánh năm 2025	So sánh TBNN	Trị số	So sánh năm 2025	So sánh TBNN	Trị số	So sánh năm 2025	So sánh TBNN
Tân Hiệp	58	2	4	24	-6	16	64	10	15	25	4	21
Rạch Giá	41	0	-13	-20	-22	11	48	11	-3	-14	-5	18
Xẻo Rô	77	-10	9	-43	-5	6	77	-6	13	-37	9	11

- Khu vực cửa sông: Từ đầu tháng 02 đến giữa tháng 4/2026, mực nước trên sông Cái Lớn dao động chủ yếu theo xu thế triều, trong giai đoạn này xuất hiện 01 đợt triều cường và nước dâng: đợt 1 từ ngày 02-04/02, có 1 đợt chân triều rút sâu từ ngày 25-27/02. Tại trạm Xẻo Rô (sông Cái Lớn) mực nước cao nhất là 77cm, dưới BĐI 03cm (ngày 03/2). Mực nước cao nhất ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2025 khoảng 10cm và cao hơn TBNN khoảng 06cm, mực nước thấp nhất ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 03-10cm.



Hình 14: Biểu đồ diễn biến mực nước cao nhất và thấp nhất ngày trạm Xẻo Rô trên sông Cái Lớn từ 01/02-17/4/2026

- Xâm nhập mặn

Trong tháng 02 và tháng 3/2026, độ mặn khu vực cửa sông Cái Lớn-Cái Bé gia tăng theo các đợt triều cường: Đợt 1 từ ngày 13-14/02, độ mặn lớn nhất trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức cao hơn 1‰ so với cùng kỳ năm 2025, trên sông Cái Bé tại An Ninh ở mức thấp hơn 1.9‰ so với cùng kỳ năm 2025, hầu hết đều thấp hơn so với cùng kỳ TBNN từ 1.2-2.2‰. Đợt 2 từ ngày 23-26/3, xâm nhập mặn trên các sông, kênh ở mức thấp hơn, độ mặn cao nhất ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 6.1-11.7‰.

Trong nửa đầu tháng 4/2026 độ mặn trên các sông, kênh có xu thế tăng

chậm, đến ngày 13/4 độ mặn tăng cao và đạt mức cao nhất từ ngày 18-19/4 và còn tiếp tục tăng thêm theo xu thế triều. Độ mặn cao nhất khu vực sông Cái Lớn, Cái Bé ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm 2025 từ 1.5-6.5‰ và thấp hơn TBNN khoảng 1.5‰, riêng khu vực Gò Quao cao hơn TBNN khoảng 1.6‰.

Trên kênh Cái Sắn, độ mặn có xu thế tăng nhanh từ ngày 13/4, độ mặn cao nhất đạt mức 14.7‰ (ngày 16/4) sau đó giảm dần trong những ngày tiếp theo do điều tiết kiểm soát mặn âu thuyền Vàm Bà Lịch.

Bảng 9: Diễn biến xâm nhập mặn trên sông Cái Lớn-Cái Bé từ tháng 02 đến ngày 19/4/2026

Sông/kênh	Trạm	K/c đến cửa sông	Smax (%)	Ngày XH	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN (2012-2025) (‰)
Cái Lớn	Xẻo Rô	7 km	21.7	19/04	1.5 ▲	-1.5 ▼
Cái Lớn	Gò Quao	35 km	13.6	19/04	6.5 ▲	1.6 ▲
Cái Ba Đình	Ngã 3 Đình		12.1	19/04	-2.3 ▼	
Chắc Băng	Vĩnh Thuận		21.2	04/04	-5.1 ▼	
Làng Thứ 7	U Minh Thượng		6.2	19/04		
Cái Bé	An Ninh	8 km	17.7	14/04	1.5 ▲	-1.5 ▼
Cái Bé	Minh Hoà	21 km	6.3	16/04	1.5 ▲	
Cái Sắn	Thanh Lộc		14.7	16/04	6.6 ▲	
Ông Hiền	Tắc Ráng		9.8	15/04		

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀ Xấp xỉ;

Trên sông Cái Lớn: độ mặn 4‰ xâm nhập sâu khoảng 50km đến kênh Năm Dền (xã Gò Quao); độ mặn 1‰ xâm nhập sâu khoảng 54km đến gần cầu Cái Tư (xã Vĩnh Hoà Hưng).

Trên sông Cái Bé: độ mặn 4‰ xâm nhập sâu 25km (xã Châu Thành); độ mặn 1‰ xâm nhập sâu khoảng 29km (xã Châu Thành).

Trên kênh Cái Sắn: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu đến Giáo Xứ Mong Thọ (xã Thanh Lộc) cách cầu Cái Sắn khoảng 1.6km về phía thượng lưu. Độ mặn 1‰ xâm nhập sâu đến UBND xã Thanh Lộc, cách cầu Cái Sắn 3.7km về thượng lưu.

2. Dự báo khí tượng, thủy văn từ nửa cuối tháng 4/2026 đến tháng 10/2026

2.1. Khí tượng

2.1.1. Hiện tượng ENSO

Hiện tại, ENSO đang trong trạng thái trung tính với chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển khu vực trung tâm Thái Bình Dương (khu vực NINO3.4) trong tuần đầu tháng 4/2026 ở mức $-0,2^{\circ}\text{C}$.

Dự báo, trong thời kỳ từ tháng 5-7/2026, hiện tượng ENSO duy trì trong trạng thái trung tính với xác suất từ 35-45% và gia tăng xác suất chuyển sang trạng thái El Nino lên mức từ 55-65%; từ tháng 8-10/2026, ENSO có xu hướng duy trì trạng thái El Nino với xác suất khoảng 80-90%, trong khi khả năng trong

trạng thái trung tính giảm với xác suất chỉ còn khoảng từ 10-20%.

2.1.2. Hoạt động của Bão, ATNĐ và các hiện tượng thời tiết nguy hiểm

- **Bão, ATNĐ:** Từ cuối tháng 4-7/2026, trên khu vực Biển Đông có khả năng xuất hiện 02-04 cơn bão/ATNĐ và có 01-02 cơn ảnh hưởng đến đất liền nước ta; từ tháng 8-10/2026, bão/ATNĐ có khả năng xuất hiện trên Biển Đông khoảng 04-06 cơn, ảnh hưởng đến đất liền nước ta khoảng 02-03 cơn.

Cần đề phòng khả năng bão, ATNĐ xuất hiện trên khu vực Biển Đông gây gió mạnh và thời tiết nguy hiểm trên biển.

- **Đông, lốc, sét và gió mạnh:** Khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như đông, lốc, sét và gió giật mạnh (tập trung nhiều từ tháng 5-8/2026).

- **Mưa vừa, mưa to:** Các đợt mưa vừa, mưa to, mưa rất to có khả năng xảy ra cục bộ và diện rộng trong thời kỳ dự báo.

- **Nắng nóng:** Từ cuối tháng 4-6/2026, trên phạm vi tỉnh An Giang khả năng xảy ra khoảng 04-06 đợt nắng nóng tập trung nhiều nhất là tháng 4/2026 và ở Phường Châu Đốc, Phường Tịnh Biên, xã Tri Tôn, xã An Phú, xã Tân Châu và các phường/xã lân cận. Nhiệt độ cao nhất phổ biến trong các đợt nắng nóng khoảng 35.0-37.0°C và có khả năng xuất hiện 01-02 đợt nắng nóng gay gắt đạt trên 37.0°C. Đến tháng 7/2026, vẫn còn khả năng xuất hiện nắng nóng cục bộ tại một số địa phương.

- **Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội:**

Bão, ATNĐ và gió mùa Tây Nam hoạt động mạnh có khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động của tàu thuyền.

Mưa dông kèm theo các hiện tượng lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh có thể gây ảnh hưởng đến sinh hoạt, tính mạng con người, sản xuất, làm gãy đổ cây cối, hư hại nhà cửa, các công trình giao thông, cơ sở hạ tầng. Đồng thời, mưa vừa, mưa to, mưa rất to xảy ra cục bộ và diện rộng có khả năng gây ra tình trạng ngập úng tại các vùng trũng thấp.

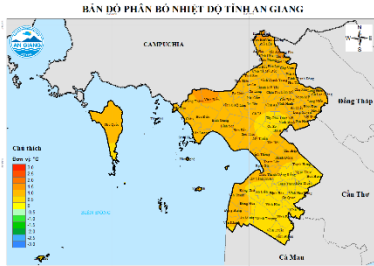
Nắng nóng kết hợp với độ ẩm trong không khí giảm thấp, nhu cầu sử dụng điện tăng có nguy cơ xảy ra cháy nổ, hỏa hoạn và khả năng xảy ra cháy rừng ở khu vực Tri Tôn, Tịnh Biên. Ngoài ra, nắng nóng còn có thể gây tình trạng mất nước, kiệt sức, đột quỵ do sốc nhiệt đối với cơ thể người khi tiếp xúc lâu với nền nhiệt độ cao.

2.1.3. Nhiệt độ

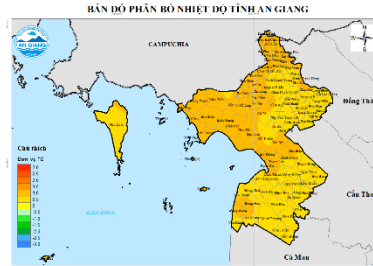
Từ nửa cuối tháng 4/2026 đến tháng 6/2026, do tác động của vùng áp thấp nóng phía Tây di chuyển dần xuống Đông Nam kết hợp với áp cao cận nhiệt đới trên cao hoạt động mạnh nên nền nhiệt trên phạm vi tỉnh tăng khá cao. Nhiệt độ trung bình hầu hết ở mức cao hơn TBNN và cùng thời kỳ từ 0.5-1.5°C. Nhiệt độ trung bình trong khoảng 28.0-30.0°C, thấp nhất dao động từ 24.0-26.0°C, nhiệt

độ cao nhất phân bố không đồng đều từ 33.0-37.0°C, có nơi trên 37.0°C.

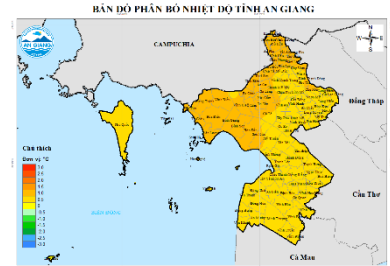
Từ tháng 7-10/2026, vùng áp thấp nóng phía Tây và áp cao cận nhiệt đới trên cao hoạt động yếu dần, gió mùa Tây Nam kết hợp với rãnh áp thấp xích đạo hoạt động mạnh lên gây mưa nhiều nên nền nhiệt giảm. Nhiệt độ trung bình trong phạm vi tỉnh xấp xỉ và cao hơn TBNN từ 0.0-1.0°C. Nhiệt độ trung bình trong khoảng 27.5-29.5°C, nhiệt độ thấp ngày khoảng 23.5-25.5°C, nhiệt độ cao nhất ngày khoảng từ 32.0-35.0°C.



Bản đồ dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 5/2026



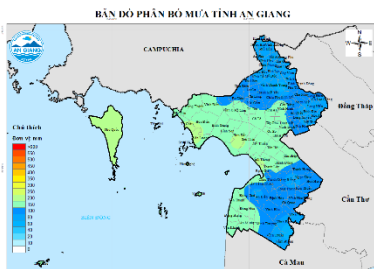
Bản đồ dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 6/2026



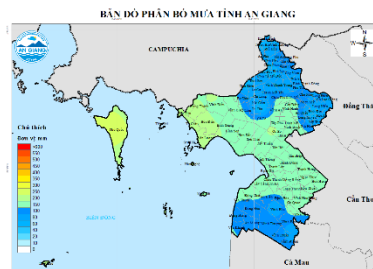
Bản đồ dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 7/2026

2.1.4. Lượng mưa

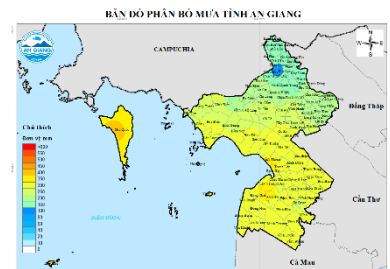
Từ nửa cuối tháng 04/2026 đến tháng 5/2026, TLM trên phạm vi tỉnh phổ biến ở mức xấp xỉ và thấp hơn TBNN; từ tháng 7-9/2026, TLM phổ biến xấp xỉ và cao hơn TBNN từ 10-15%; riêng tháng 10/2026 TLM có khả năng xấp xỉ và thấp hơn TBNN từ 5-10%.



Bản đồ dự báo lượng mưa tháng 5/2026 tỉnh An Giang



Bản đồ dự báo lượng mưa tháng 6/2026 tỉnh An Giang



Bản đồ dự báo lượng mưa tháng 7/2026 tỉnh An Giang

Mùa mưa năm 2026 của tỉnh An Giang có ngày bắt đầu tương đương so với TBNN (khoảng tuần đầu tháng 5), tuy nhiên thời gian bắt đầu mùa mưa trên phạm vi tỉnh khác nhau; ở vùng biển đặc khu và các xã/phường tiếp giáp biển là nơi bắt đầu mùa mưa sớm nhất, tiếp đến là các xã/phường phía Đông và Nam của tỉnh, sau đó là các xã/phường tiếp giáp biên giới và phía Bắc của tỉnh. Trong thời kỳ mùa mưa khả năng có 03-05 đợt giảm mưa, thời gian kéo dài khoảng 02-05 ngày.

Bảng 10: Dự báo nền nhiệt độ, lượng mưa từ tháng 5/2026 đến tháng 7/2026

STT	Khu vực dự báo	Tháng 5/2026		Tháng 6/2026		Tháng 7/2026	
		Ttb (°C)	R (mm)	Ttb (°C)	R(mm)	Ttb (°C)	R (mm)
01	Rạch Giá	28.4-29.7	100-250	28.3-29.6	90-230	28.0-29.2	150-350

STT	Khu vực dự báo	Tháng 5/2026		Tháng 6/2026		Tháng 7/2026	
		Ttb (°C)	R (mm)	Ttb (°C)	R(mm)	Ttb (°C)	R (mm)
02	Châu Thành	28.4-29.7	90-230	28.3-29.6	90-230	28.0-29.2	140-340
03	An Biên	28.4-29.7	100-240	28.3-29.6	95-240	28.0-29.2	150-350
04	An Minh	28.4-29.7	95-230	28.3-29.6	90-230	28.0-29.2	130-340
05	U Minh Thượng	28.2-29.6	100-250	28.2-29.5	95-250	28.0-29.0	120-320
06	Vĩnh Thuận	28.2-29.6	95-230	28.2-29.5	90-230	28.0-29.0	100-280
07	Giồng Riềng	28.2-29.6	100-250	28.2-29.5	100-250	28.0-29.0	120-300
08	Gò Quao	28.2-29.6	100-240	28.2-29.5	100-240	28.0-29.0	130-310
09	Tân Hiệp	28.4-29.7	95-250	28.3-29.6	90-220	28.0-29.2	120-300
10	Thoại Sơn	28.5-29.8	80-230	28.4-29.7	70-220	28.0-29.4	130-250
11	Long Xuyên	28.5-29.8	60-220	28.4-29.7	60-180	28.0-29.4	110-240
12	An Châu	28.5-29.8	70-240	28.4-29.7	70-200	28.0-29.4	120-300
13	Chợ Mới	28.5-29.8	60-230	28.4-29.7	50-170	28.0-29.4	100-260
14	Châu Phú	28.6-29.9	60-200	28.5-29.8	45-150	28.1-29.1	90-250
15	Phú Tân	28.5-29.9	65-220	28.5-29.8	40-140	28.1-29.1	110-260
16	Tân Châu	28.6-30.0	50-200	28.5-29.9	45-150	28.2-29.5	100-250
17	An Phú	28.6-30.0	40-180	28.5-29.9	40-130	28.2-29.5	100-250
18	Châu Đốc	28.6-30.0	45-160	28.5-29.9	40-150	28.2-29.5	90-240
19	Tịnh Biên	28.6-30.0	40-180	28.5-29.9	50-160	28.2-29.5	100-260
20	Tri Tôn	28.6-30.0	45-190	28.5-29.9	50-180	28.2-29.5	100-260
21	Giang Thành	28.5-29.7	100-260	28.4-29.6	90-240	28.1-29.3	110-270
22	Hà Tiên	28.5-29.7	90-240	28.4-29.6	96-250	28.1-29.2	120-320
23	Kiên Lương	28.5-29.7	100-250	28.4-29.6	100-250	28.1-29.2	110-310
24	Hòn Đất	28.5-29.7	100-270	28.4-29.6	95-240	28.1-29.2	140-350
25	Kiên Hải	28.5-29.7	120-300	28.4-29.6	130-310	28.1-29.2	160-370
26	Phú Quốc	28.0-29.5	130-330	28.0-29.0	135-340	28.0-29.0	200-380
27	Thổ Chu	28.6-29.6	110-280	28.2-29.2	100-260	28.1-29.1	150-350

2.2. Thủy văn

Từ nửa cuối tháng 4/2026 đến cuối tháng 5/2026, tổng lượng dòng chảy sông Mekong về ĐBSCL qua hai trạm Tân Châu và Châu Đốc còn tiếp tục giảm và ở mức tương đương cùng kỳ TBNN. Từ tháng 6-7/2026, lượng dòng chảy sông Mekong về vùng đầu nguồn ĐBSCL tăng chậm và ở mức thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 5-15%. Từ tháng 8-10/2026, lưu lượng dòng chảy sông Mekong về

ĐBSCL tăng nhanh và ở mức thấp hơn TBNN từ 05-10%.

Trong nửa cuối tháng 4 đến cuối tháng 5, mực nước trên các sông, kênh, rạch trên phạm vi tỉnh dao động chính theo xu thế thủy triều biển Đông, chịu ảnh hưởng của dòng chảy thượng nguồn sông Mekong. Khu vực cửa sông Cái Lớn, Cái Bé, mực nước dao động theo xu thế triều, ngoài ra còn chịu ảnh hưởng các hiện tượng nước dâng và gió mạnh trên biển. Khu vực nội đồng TGLX, mực nước trên các kênh, rạch chịu tác động từ chế độ thủy triều sông Hậu truyền vào, quy trình vận hành các công trình thủy lợi trong vùng, lượng mưa chuyển mùa và các hoạt động sản xuất.

Đầu nguồn sông Cửu Long, mực nước cao nhất trong các tháng có khả năng cao hơn cùng kỳ TBNN khoảng 05-10cm; mực nước thấp nhất xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 05-20cm. Nội đồng TGLX, mực nước cao nhất xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ TBNN khoảng 05-20cm; mực nước thấp nhất xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ TBNN từ 10-20cm. Vùng hạ lưu sông, mực nước cao nhất cao hơn cùng kỳ TBNN khoảng từ 10-30cm; mực nước thấp nhất thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 10-20cm.

Mực nước tại các trạm trên sông Tiền, sông Hậu và khu vực nội đồng TGLX có xu thế xuống dần và hạ thấp nhất vào khoảng cuối tháng 4/2026. Mực nước thấp nhất năm tại các trạm trên sông chính ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm trước từ 05-10cm, thấp hơn TBNN từ 05-10cm; trên các kênh, rạch nội đồng TGLX ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-20cm, cao hơn TBNN từ 05-10cm; Vùng cửa sông Cái Lớn, Cái Bé, chân triều thấp nhất có khả năng xuất hiện trong tuần giữa tháng 5, ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2025 khoảng 05cm, cao hơn TBNN 10cm.

Từ tháng 6 đến tháng 7/2026, mực nước vẫn còn chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều với xu thế lên dần, mực nước cao nhất và thấp nhất trong các tháng ở mức thấp hơn cùng kỳ TBNN khoảng từ 10-30cm.

Bảng 11: Bảng dự báo thủy văn (mực nước: H) từ tháng 5-7/2026

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Tháng 5/2026			Tháng 6/2026			Tháng 7/2026		
		H _{min}	H _{max}	H _{tb}	H _{min}	H _{max}	H _{tb}	H _{min}	H _{max}	H _{tb}
Tiền	Tân Châu	-60	145	45	-39	155	63	-20	180	87
Ông Chưởng	Chợ Mới	-75	140	35	-54	160	53	-35	189	77
Hậu	Khánh An	-30	130	53	-9	145	73	10	170	97
	Châu Đốc	-68	150	43	-49	165	62	-30	190	86
	Long Xuyên	-70	152	40	-44	170	59	-25	195	83
Vàm Nao	Vàm Nao	-65	150	43	-49	165	58	-30	190	82
Vĩnh Tế	Xuân Tô	-25	40	13	-03	66	32	16	90	59
	Vĩnh Gia	-12	30	13	7	45	26	15	67	41

Sông, kênh, rạch	Trạm	Tháng 5/2026			Tháng 6/2026			Tháng 7/2026		
		H _{min}	H _{max}	H _{tb}	H _{min}	H _{max}	H _{tb}	H _{min}	H _{max}	H _{tb}
T3	Vĩnh Điều	-08	40	20	12	55	34	20	75	49
	Vĩnh Phú	-05	35	18	12	50	31	20	72	46
T5	Nông Trường	00	50	30	22	65	44	32	80	61
Tri Tôn	Tri Tôn	05	50	15	-3	60	29	7	85	46
	Cô Tô	-22	60	33	17	70	46	27	85	64
	Nam Thái Sơn	02	50	30	22	65	44	32	80	61
Tám Ngàn	Lò Gạch	-05	35	18	12	50	31	22	65	49
Ba Thê	Vọng Thê	15	70	45	32	85	59	42	105	76
Núi Chóc - Nặng Gù	Vĩnh Hanh	05	100	55	22	115	69	32	130	86
Rạch Giá - Long Xuyên	Núi Sập	00	70	38	17	85	51	27	105	69
	Tân Thành	05	55	33	22	65	46	32	85	64
Cái Sắn	Tân Hiệp	-05	40	20	12	55	34	22	70	51
Kiên	Rạch Giá	-30	20	00	-10	35	13	-5	45	24
Cái Lớn	Xẻo Rô	-55	60	10	-35	75	20	-30	82	26

- Dự báo xu thế đỉnh lũ năm 2026:

Trên phạm vi tỉnh An Giang, từ tháng 9/2026, mực nước trên các sông, kênh vẫn còn chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều với xu thế lên dần. Từ cuối tháng 9-10/2026, mực nước trên các sông, kênh, rạch có xu thế lên nhanh và đạt giá trị cao nhất năm vào cuối tháng 10. Đỉnh lũ năm trên các sông, kênh, rạch trong tỉnh có khả năng ở mức thấp hơn so với đỉnh lũ năm 2025 từ 05-30cm, thấp hơn đỉnh lũ TBNN nhiều năm đối với các trạm khu vực đầu nguồn sông Cửu Long, tương đương đỉnh lũ TBNN đối với các kênh, rạch khu vực nội đồng TGLX, cao hơn TBNN đối với vùng hạ lưu sông Tiền, sông Hậu.

Đầu nguồn sông Cửu Long, mực nước cao nhất năm tại Tân Châu có khả năng ở mức BĐI; tại Khánh An và Châu Đốc có khả năng dưới BĐII từ 10-30cm. Thời gian xuất hiện vào khoảng cuối tháng 10. (BĐI tại Tân Châu: 3.50m; tại Khánh An BĐII: 4.70m; tại Châu Đốc BĐII: 3.50m)

Khu vực nội đồng TGLX, mực nước cao nhất năm trên các sông, kênh, rạch có khả năng ở mức xấp xỉ và trên BĐI từ 10-20cm. Riêng các trạm Vọng Thê, Vĩnh Hanh, Núi Sập có khả năng ở mức trên BĐII đến dưới BĐIII từ 10-20cm. Thời gian xuất hiện vào khoảng đầu tháng 11.

Vùng hạ lưu sông, mực nước cao nhất trên sông Vàm Nao tại Vàm Nao có khả năng ở mức BĐII; trên Rạch Ông Chương tại Chợ Mới trên BĐII từ 10-20cm; trên sông Hậu tại Long Xuyên ở mức trên BĐIII từ 10-30cm. Thời gian

xuất hiện trong nửa cuối tháng 10. (BDII tại Vàm Nao: 2.90m; tại Chợ Mới BDIII: 3.00m; tại Long Xuyên BDIII: 2.50m)

Khu vực cửa sông, mực nước cao nhất nhất trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô có khả năng đạt giá trị cao nhất trên BDIII từ 05-10cm, thời gian xuất hiện trong khoảng cuối tháng 12 (tại Xẻo Rô BDIII:1.00m).

Bảng 12: Dự báo đặc trưng thủy văn (mực nước: H) trên các sông, kênh, rạch khu vực tỉnh An Giang năm 2026

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Mực nước thấp nhất năm 2026 (H _{min} năm)				Mực nước cao nhất năm 2026 (H _{max} năm)			
		Trị số	Thời gian xuất hiện	So sánh năm 2025	So sánh TBNN	Trị số	Thời gian xuất hiện	So sánh năm 2025	So sánh TBNN
Tiền	Tân Châu	-60	21-30/4	-24	-10	340÷360	15-31/10	-50÷-30	-50÷-30
Ông Chường	Chợ Mới	-75	21-30/4	-09	-04	280÷300	15-31/10	-40÷-20	00÷20
Hậu	Khánh An	-30	21-30/4	-22	-03	440÷460	15-31/10	-50÷-30	-25÷05
	Châu Đốc	-68	21-30/4	-20	-06	320÷340	15-31/10	-30÷-10	-20÷00
	Long Xuyên	-70	21-30/4	-04	-12	255÷275	15-31/10	-30÷-10	15÷35
Vàm Nao	Vàm Nao	-65	21-30/4	-04	07	285÷305	15-31/10	-35÷-15	-10÷10
Vĩnh Tế	Xuân Tô	-25	21-30/4	17	06	320÷340	21-31/10	-45÷-25	-15÷05
	Vĩnh Gia	-12	21-30/4	05	01	180÷200	21-31/10	-35÷-15	-25÷-05
	Vĩnh Điều	-8	21-30/4	-01	-05	155÷175	21-31/10	-25÷-15	05÷25
T3	Vĩnh Phú	-5	21-30/4	00	-10	145÷165	21-31/10	-30÷-10	15÷35
T5	Nông Trường	0	21-30/4	01	-10	150÷170	21-31/10	-30÷-10	15÷35
Tri Tôn	Tri Tôn	5	21-30/4	21	09	200÷220	21-31/10	-40÷-20	-30÷-10
	Cô Tô	-22	21-30/4	-32	-44	185÷205	21-31/10	-30÷-10	00÷25
	Nam Thái Sơn	2	21-30/4	-03	-16	110÷130	21-31/10	-40÷-20	20÷40
Tám Ngàn	Lò Gạch	-5	21-30/4	13	06	170÷190	21-31/10	-30÷-10	-25÷-05
Ba Thê	Vọng Thê	15	21-30/4	-08	-28	180÷200	21-31/10	-35÷-15	-05÷15
Núi Chóc - Nặng Gù	Vĩnh Hanh	5	21-30/4	-15	-27	240÷260	21-31/10	-45÷-25	-05÷15
	Núi Sập	0	21-30/4	-09	-17	180÷200	21-31/10	-25÷-15	-10÷10

Rạch Giá - Long Xuyên	Tân Thành	5	21-30/4	-08	-16	135÷155	21-31/10	-25÷-05	10÷30
Cái Sắn	Tân Hiệp	-5	21-30/4	-12	-29	105÷125	21-31/10	-25÷-05	-15÷05
Kiên	Rạch Giá	-30	11-20/5	03	-17	80÷100	21-31/10	-10÷10	-25÷-05
Cái Lớn	Xẻo Rô	-55	11-20/5	06	-10	100÷120	21-31/12	-10÷10	-25÷-05

2.3. Hạn hán, thiếu hụt nguồn nước

Trong các tháng còn lại mùa khô năm 2026, do thiếu hụt lượng mưa kết hợp mực nước trên các sông, kênh hạ thấp, xâm nhập mặn tăng cao và do nhu cầu sử dụng nước trên khu vực thượng nguồn gia tăng, tổng lượng dòng chảy sông Mekong về đầu nguồn sông Cửu Long giảm dần, nhu cầu sử dụng nước phục vụ tưới, tiêu phát triển nông nghiệp và các hoạt động kinh tế có khả năng xảy ra tình trạng hạn hán, thiếu nước cục bộ tại một số nơi thuộc các phường Tịnh Biên, Chi Lăng và các xã Tri Tôn, Cô Tô, Núi Cấm, Ba Chúc, Ô Lâm, U Minh Thượng.

2.4. Xâm nhập mặn

Trong các tháng còn lại của mùa khô năm 2026, độ mặn trên sông Cái Lớn-Cái Bé còn khả năng tiếp tục tăng cao trong những ngày triều cường, độ mặn cao nhất có khả năng xuất hiện trong nửa cuối tháng 4 đến đầu tháng 5, ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 2.9-9.0‰, xấp xỉ thấp hơn TBNN từ 0.3-2.6‰. Từ nửa cuối tháng 5 đến hết tháng 6/2026, độ mặn trên các sông, kênh có xu thế giảm nhanh, tuy nhiên khu vực giáp danh với Cần Thơ và Cà Mau mặn giảm chậm.

Bảng 13: Dự báo tình hình xâm nhập mặn trên sông Cái Lớn – Cái bé từ nửa cuối tháng 4-6/2026

Đơn vị: (‰)

STT	Trạm	Sông/kênh	Khoảng cách đến cửa sông (km)	Dự báo độ mặn cao nhất (S_{max})		
				4/2026	5/2026	6/2026
1	Xẻo Rô	Cái Lớn	8	22-24	21-23	15-18
2	Gò Quao	Cái Lớn	35	12-14	10-12	3-5
3	An Ninh	Cái Bé	7	16-18	14-16	7-9
4	Minh Hoà	Cái Bé	21	5-7	4-6	1-2
5	Thanh Lộc	Cái Sắn		15-17	10-12	4-6
6	Tắc Ráng	Ông Hiền		12-14	8-10	2-4
7	U Minh Thượng	Làng Thứ 7		7-9	5-7	3-5

Bảng 14: Dự báo chiều sâu xâm nhập mặn trên sông Cái Lớn – Cái Bé từ nửa cuối tháng 4-6/2026

Sông	Tháng 4/2026		Tháng 5/2026		Tháng 6/2026	
	4.0‰	1.0‰	4.0‰	1.0‰	4.0‰	1.0‰
Cái Lớn	Xâm nhập sâu 48-50km (<i>Kênh 5 Dẫn cuối xã Gò Quao</i>)	Xâm nhập sâu 52-54km (<i>Cầu Cái Tư</i>)	Xâm nhập sâu 37-39km (<i>Xã Gò Quao</i>)	Xâm nhập sâu 43-45km (<i>Bến phà Xáng Cụt</i>)	Xâm nhập sâu 33-35km (<i>Xã Gò Quao</i>)	Xâm nhập sâu 36-38km (<i>Xã Gò Quao</i>)
Cái Bé	Xâm nhập sâu 23-25km (<i>xã Châu Thành</i>)	Xâm nhập sâu 26-28km (<i>xã Long Thạnh</i>)	Xâm nhập sâu 21-23km (<i>xã Châu Thành</i>)	Xâm nhập sâu 20-22km (<i>xã Châu Thành</i>)	Xâm nhập sâu 12-14km (<i>xã Bình An</i>)	Xâm nhập sâu 18-21km (<i>xã Châu Thành</i>)
Cái Sắn	Bến phà kênh 6 (<i>xã Thạnh Lộc</i>)	Bến đò kênh 4 (<i>xã Thạnh Lộc</i>)	Bến phà kênh 6 (<i>xã Thạnh Lộc</i>)	Bến đò kênh 4 (<i>xã Thạnh Lộc</i>)	Cầu Quảng (<i>xã Châu Thành</i>)	Cầu Cái Sắn (<i>xã Châu Thành</i>)
Thời gian xuất hiện	Xuất hiện vào buổi tối khoảng 22h tối-07h sáng, các ngày triều cường từ ngày 20-22/4		Xuất hiện vào buổi tối khoảng 22h tối-07h sáng, các ngày triều cường từ ngày 16-19/5		Xuất hiện vào buổi tối khoảng 23h tối-05h sáng, các ngày triều cường từ ngày 13-16/6	

2.5. Hải Văn

2.5.1. Triều cường biển Đông

Từ nửa cuối tháng 4 đến tháng 7 năm 2026, trên vùng biển từ Vũng Tàu đến Cà Mau có 03 đợt triều cường ảnh hưởng đến chế độ dòng chảy trong các sông, kênh thuộc tỉnh An Giang. Các đợt triều cường có thể xác định vào các thời điểm sau:

- + Đợt 1: Đầu tháng 4 (Âm Lịch), từ ngày 17-19/5/2026, đỉnh triều cao;
- + Đợt 2: Rằm tháng 4 (Âm Lịch), từ ngày 15-18/6/2026, đỉnh triều cao;
- + Đợt 3: Rằm tháng 4 (Âm Lịch), từ ngày 14-16/7/2026, đỉnh triều cao;

Các đợt triều cường từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2026: giai đoạn cao điểm mùa lũ và gió mùa Tây Nam hoạt động mạnh.

- + Đợt 1: Đầu tháng 7 (Âm Lịch), từ ngày 14-16/8/2026, đỉnh triều cao;
- + Đợt 2: Rằm tháng 7 (Âm Lịch), từ ngày 28-30/8/2026;
- + Đợt 3: Đầu tháng 8 (Âm Lịch), từ ngày 11-13/9/2026;
- + Đợt 4: Rằm tháng (Âm Lịch), từ ngày 26-28/9/2026, đỉnh triều cao;
- + Đợt 5: Rằm tháng (Âm Lịch), từ ngày 28-31/10/2026, đỉnh triều cao;

2.5.2. Triều cường vùng biển An Giang

Trong nửa cuối tháng 4 đến tháng 5/2026 là giai đoạn đỉnh triều trên các kênh, rạch xuống thấp, chân triều thấp nhất có khả năng xuất hiện trong giai đoạn này. Từ tháng 6-8/2026 và tháng 8-10/2026, khu vực ven biển An Giang xuất hiện các đợt triều cường: ngày 14-18/6, 12-16/7, 09-13/8, 06-09/09, 01-04/10 và 27-31/10. Cần đề phòng những đợt gió mùa Tây Nam mạnh kết hợp triều cường cao gây ngập cục bộ các vùng trũng thấp, đặc biệt là ven sông Cái Lớn, Cái Bé, kênh Cán Gáo và khu vực đô thị ven biển.

Đề phòng khả năng xảy ra hạn hán, thiếu hụt nguồn nước cục bộ, cháy rừng; xâm nhập mặn khu vực cửa sông Cái Lớn-Cái Bé; nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch do dòng chảy và biên độ dao động mực nước lớn, mực nước hạ xuống thấp.

Các địa phương cần cập nhật kịp thời các thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, đề phòng tình hình khí tượng thủy văn có những diễn biến phức tạp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Ban Chỉ huy PTDS tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Phòng Quản lý dự báo KTTV;
- Phòng dự báo Đài KTTV NB;
- Các đơn vị trực thuộc Đài;
- Lưu: VT, DB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Xuân Hiền